

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LIÊU
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022

“V/v Ly hôn, và nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Kiên Trung.

- Bà Ngô Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Văn Biên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Tô Thị Thanh H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khu N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Lương Đức C, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Khu N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Tô Thị Thanh H có lời khai tại hồ sơ và đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt và chị có quan điểm về yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung như sau:

Về tình cảm: tôi và anh Lương Đức C tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/11/2014 tại UBND xã T (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn B), huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống chung cùng bố mẹ chồng tại khu N, thị trấn B. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, lối sống không hòa hợp, chồng tôi phân

biệt đối xử giữa các con. Khoảng một năm trở lại đây, chồng tôi còn chửi bới, đe dọa tôi và các con, thậm chí đe dọa cả mẹ đẻ của tôi. Cách đây một tuần tôi đã đưa con lớn về nhà ngoại ở, không ai quan tâm đến ai nữa. Dù tôi cũng góp ý, khuyên nhủ anh C sửa đổi nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Chúng tôi ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Giờ đây, tôi thấy tình cảm yêu thương của tôi với anh C đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: tôi và anh Lương Đức C có hai con chung là: Lương Bảo N1, sinh ngày 14/12/2014 và Lương Bảo N2, sinh ngày 23/4/2018. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Bảo N1; anh Lương Đức C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Bảo N2 cho đến khi đủ 18 tuổi. Tôi và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: tôi và anh Lương Đức C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lương Đức C có lời khai tại hồ sơ và đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt và anh có quan điểm về yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đã nghe thừa nhận những gì chị Tô Thị Thanh H trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống cùng bố mẹ tôi tại khu N, thị trấn B. Cuộc sống vợ chồng của chúng tôi diễn ra bình thường, đôi lúc có xảy ra cãi vã nhỏ. Nguyên nhân mâu thuẫn là quan điểm sống, lối sống quá khác biệt dẫn đến thường xuyên cãi vã, xô xát. Từ năm 2020 chị H đi làm công nhân ở Hải Dương và không về nhà nữa, đến dịp nghỉ tết chị H cũng chỉ về ở nhà ngoại. Ngày mừng 3 tết Nguyên Đán 2022, tôi xuống nhà mẹ đẻ của chị H để nói chuyện với gia đình, nhưng do tôi say rượu và bức xúc nên tôi đã hơi to tiếng, nặng lời với gia đình nhà ngoại. Sau đó, dù tôi đã xin lỗi vợ và gia đình bên ngoại nhưng vẫn không được bỏ qua. Gia đình tôi cũng đã gặp gỡ, nói chuyện với gia đình bên ngoại, nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Tôi nhận thấy vẫn còn tình cảm yêu thương với chị H, tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là: Lương Bảo N1, sinh ngày 14/12/2014 và Lương Bảo N2, sinh ngày 23/4/2018. Trường hợp ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N2; vợ tôi nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Tô Thị Thanh H, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: bị đơn anh Lương Đức C có địa chỉ nơi cư trú tại: Khu N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Tô Thị Thanh H và bị đơn anh Lương Đức C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Thanh H và anh Lương Đức C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2014 tại UBND xã T (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn B), huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh. Đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị H, anh C sống chung cùng bố mẹ chồng tại khu N, thị trấn B. Cuộc sống chung hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, lối sống không hòa hợp, anh C phân biệt đối xử giữa các con. Khoảng một năm trở lại đây, anh C còn chửi bới, đe dọa chị H và các con, thậm chí đe dọa cả mẹ đẻ của chị H. Cách đây một tuần chị H đã đưa con lớn về nhà ngoại ở, không ai quan tâm đến ai nữa. Dù chị H cũng góp ý, khuyên nhủ anh C sửa đổi nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Chị H, anh C sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị H xác định không còn tình cảm với anh C chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo chị H trình bày tại hồ sơ là do quan điểm, lối sống bất đồng, khó hòa hợp, anh C phân biệt đối xử giữa các con. Khoảng năm 2020 trở lại đây, anh C còn chửi bới, đe dọa chị H và các con, thậm chí đe dọa cả mẹ đẻ của chị, chị H và anh C đã sống ly thân từ ngày chị làm đơn xin ly hôn cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Qua xác minh ở nơi cư trú cho thấy: Quá trình chị H, anh C sinh sống trên địa bàn của khu có nghe thông tin vợ chồng chị H, anh C có vài lần xảy ra mâu thuẫn. Qua một số thông tin từ người dân trên địa bàn khu phố, từ khi chị H đi làm công nhân tại Hải Dương thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần chị H về nhà là vợ chồng lại xảy ra bất đồng. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là Tết năm 2022, khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, anh C đã đến chửi bới và nói nặng lời với bố mẹ chị H. Khi chị H gọi điện phản ánh, khu cũng đề xuất để tổ hòa giải khu đến tiến hành hòa giải hai vợ chồng nhưng chị H không đồng ý. Do đó, khu phố cũng chưa tiến hành hòa giải ở cơ sở đối với gia đình chị H, anh C. Nay được biết chị H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với

anh C, quan điểm của khu về vấn đề này đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng chị H, anh C đã hết thì đề nghị giải quyết ly hôn.

- Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu giải quyết cho ly hôn của chị H và anh C là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có hai con chung là: Lương Bảo N1, sinh ngày 14/12/2014 và Lương Bảo N2, sinh ngày 23/4/2018. Khi ly hôn chị H và anh C cùng thỏa thuận thống nhất: Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Bảo N1 cho đến khi đủ 18 tuổi; anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Bảo N2 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị H và anh C không ai phải cấp dưỡng cho con chung. Chị H và anh C đều có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân khu phố về phần con đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật hoặc theo ý kiến của hai bên để đảm bảo nuôi dưỡng con chung được tốt. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của cháu N1, cháu N1 có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó nên giao cháu N1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Bảo N cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị H và anh C không ai phải cấp dưỡng cho con chung. Chị H và anh C đều có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị H và anh C hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 69; khoản 1, khoản 3 Điều 70; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn của chị Tô Thị Thanh H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Thanh H được ly hôn với anh Lương Đức C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của chị H và anh C: Chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lương Bảo N, sinh ngày 14/12/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lương Bảo N, sinh ngày 23/4/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H và anh C không ai phải cấp dưỡng cho con chung. Chị H và anh C đều có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tô Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 14021 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Liêu; Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Bình Liêu;
- UBND thị trấn B, Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải